**Chế độ bầu cử - Những vấn đề lý luận và thực tiễn**

**Nguyễn Văn Phụng**

Mục đích của các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp không chỉ nhằm tổ chức tốt nhất cho người dân thực hiện quyền chính trị của mình, mà thông qua bầu cử để tiếp tục phát huy trách nhiệm công dân, phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc. Bầu cử không chỉ để tăng dân chủ mà còn để tăng đoàn kết, tăng đồng thuận xã hội… Và cũng thông qua bầu cử, chúng ta hình thành, bầu được những người đủ tầm nhất, đủ đức, đủ tài gánh vác công việc của quốc gia. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 đã chứng minh điều đó. Tại kỳ bầu cử này (tháng 5-2016), tỷ lệ cử tri đi bầu rất cao (hơn 98,77%) cho thấy người dân ý thức rõ về quyền của mình và cơ quan chức năng các cấp cũng luôn nỗ lực cao nhất để mọi công dân có điều kiện thực hiện các quyền đó của mình.

Nhà nước của chúng ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bản chất của nhà nước pháp quyền là thượng tôn pháp luật. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, đều sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật [1, *tr 8*]. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Hội đồng nhân dân (HĐND) là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND

* 1. **Khái niệm chế độ bầu cử, chế độ bầu cử tự do**

Trong Luật Hiến pháp thuật ngữ "bầu cử" được sử dụng để chỉ sư tham gia của cử tri (đại cử tri, đại diện cử tri) trong một cuộc bầu cử do Nhà nước tổ chức và bằng lá phiếu của mình lựa chọn một chính đảng hay một ứng cử viên cho một chức danh trong bộ máy nhà nước. Đây cũng là sự phân biệt bầu cử với phương pháp khác thành lập cơ quan nhà nước như bổ nhiệm, phê chuẩn việc bổ nhiệm.

Chế định hay thể chế bầu cử là tổng thể các quy định của pháp luật về bầu cử gồm các nguyên tắc, cùng tất cả các quan hệ được hình thành trong quá trình tiến hành bầu cử từ lúc công dân ghi tên trong danh sách bầu cử đến lúc các lá phiếu được bỏ vào thùng phiếu và xác định kết quả bầu cử.

Ngoài những cuộc bầu cử mang tính pháp lý (thành lập cơ quan nhà nước), bầu cử còn được sử dụng trong tổ chức và hoạt động của các chính đảng, tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, câu lạc bộ...Khác với cuộc bầu cử được sử dụng trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội… cuộc bầu cử thành lập cơ quan nhà nước hay một chức danh nhà nước được điều chỉnh bởi Hiến pháp và pháp luật do Nhà nước ban hành.

Chế độ bầu cử: là cơ chế (hay phương thức) với những quy định cụ thể về quyền bầu cử, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tỏ chức một cuộc bầu cử để người dân bằng lá phiếu của mình quyết định lựa chọn một chính đảng hay một cá nhân nắm giữ các chức danh nhà nước thuộc chính quyền trung ương hay địa phương; là phương thức, thủ tục thành lập cơ quan nhà nước hay chức danh nhà nước. Đây là cơ chế phổ quát mà các nền dân chủ hiện dùng để phân bổ chức danh trong bộ máy Nhà nước ở trung ương và địa phương.

Chế độ bầu cử tự do (Chế độ bầu cử dân chủ): Một chế độ bầu cử được coi là tự do hay dân chủ là chế độ bầu cử được xây dựng và vận hành theo nguyên tắc dân chủ và pháp quyền trên các phương diên: quyền bầu cử được tôn trọng; cử tri có đa sự lựa chọn; tổ chức phụ trách bầu cử độc lập; bảo đảm sự giám sát của công chúng..

* 1. **Lịch sử quá trình bầu cử ở Việt Nam**

Sắc lệnh đầu tiên về nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành là Sắc lệnh số 14 ngày 08-9-1945 về mở cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc dân đại biểu. Tiếp sau đó là Sắc lệnh số 51 ngày 17-10-1945 ấn định thể lệ tổng tuyển cử. Trên cơ sở đó, ngày 06-01-1946, cuộc tổng tuyển cử đầu tiên đã diễn ra. Ngày 02-3-1946, Quốc hội đã họp kỳ họp đầu tiên. Đây là Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gồm 403 đại biểu với nhiều thành phần như: công nhân, nông dân, viên chức, trí thức, quân nhân cách mạng. Quốc hội khóa I cũng đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên (năm 1946) của Việt Nam, ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của chế độ bầu cử ở Việt Nam mà trước đó được thông qua bởi các sắc lệnh nói trên. Đáng chú ý, Hiến pháp năm 1946 ghi nhận 04 nguyên tắc của bầu cử có những khác biệt so với giai đoạn sau, đó là: Chế độ bầu cử là phổ thông, đầu phiếu, tự do, trực tiếp và bỏ phiếu kín (Điều 17).

Trong giai đoạn từ năm 1959 đến năm 1980, nguyên tắc bầu cử ở Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 1959. Các nguyên tắc trực tiếp, phổ thông, bỏ phiếu kín vẫn tiếp tục được ghi nhận trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1959 và Pháp lệnh bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Tuy nhiên, cũng từ giai đoạn này trở đi, nguyên tắc bầu cử tự do được thay thế bằng nguyên tắc bình đẳng, mà bình đẳng thì đã có trong nội hàm của nguyên tắc phổ thông.

Chế độ bầu cử giai đoạn 1980 - 1992 được quy định tại Điều 7 Hiến pháp năm 1980 và cụ thể trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1980, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các năm 1983, 1989 với một số điểm đáng lưu ý là quy định về hiệp thương, một thủ tục nhằm cơ cấu, lựa chọn ra ứng cử viên, quy định này vẫn chi phối tiến trình bầu cử ở Việt Nam cho đến hiện nay. Ngoài ra, việc miễn nhiệm đại biểu khi họ không còn xứng đáng với cử tri cũng được cụ thể hóa trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1980 và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 1983.

Từ năm 1992 đến nay, nguyên tắc bầu cử được quy định tại Điều 7 Hiến pháp năm 1992: “Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.” Các nguyên tắc này được cụ thể hóa trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội các năm 1992, 1997 (sửa đổi các năm 2001, 2007, 2010); Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các năm 1994, 2003.

Hiến pháp năm 2013 và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 tiếp tục giữ nguyên các nguyên tắc của bầu cử, gồm: “Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.”